



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần và Đầu tư Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo-tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Gia Long	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2016)
Ông Vương Bá Lân	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016)
Ông Lê Phương Nam	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016)
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Vương Bá Lân	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Khắc Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 04 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 07.04/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 04 năm 2017, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại thuyết minh số V.10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với số tiền là 32.000.000.000 đồng là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá việc trình bày khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trình bày của khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và giá trị khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có thể phải trích lập cho khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Như trình bày tại thuyết minh số V.5 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trình bày khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô với số tiền là 5.000.000.000 đồng là khoản phải thu khác. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để đánh giá việc trình bày khoản tiền này trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trình bày của khoản mục phải thu dài hạn khác và giá trị khoản dự phòng phải thu khó đòi hoặc dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác có thể phải trích lập cho khoản tiền này cũng như ảnh hưởng của việc trình bày khoản mục này tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang thể hiện khoản tạm ứng của ông Vương Bá Lân để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cơ khí chính xác lô CN10 khu B - Khu công nghiệp Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương với số tiền là 7.600.000.000 đồng trong số dư khoản phải thu khác. Tuy nhiên, chúng tôi không có thêm bằng chứng đầy đủ và chi tiết về tiến độ của dự án để đảm bảo hợp lý rằng khoản tạm ứng thực hiện dự án này có khả năng thu hồi.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.682.421.319	9.847.687.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.925.164.625	3.954.598.384
1. Tiền	111	V.1	2.925.164.625	3.954.598.384
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	556.522.160	563.584.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.507.090.600	4.507.090.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.950.568.440)	(3.943.506.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.646.575.298	4.789.509.900
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.176.280.000	7.331.260.000
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.475.760.000	675.580.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.116.731.715	8.959.743.800
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.122.196.417)	(12.177.073.900)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		554.159.236	539.995.582
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		514.747.471	500.583.817
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	39.411.765	39.411.765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.248.559.448	48.215.352.829
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000.000	12.600.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	-	12.600.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
- Nguyên giá	222		38.672.724	38.672.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.672.724)	(38.672.724)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.239.389.448	3.562.170.448
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8a	1.500.000.000	1.500.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8b	1.739.389.448	2.062.170.448
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.000.000.000	32.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	5.265.000.000	5.265.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	32.000.000.000	32.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.265.000.000)	(5.265.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.170.000	53.182.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	9.170.000	53.182.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		55.930.980.767	58.063.040.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.821.499.726	5.761.032.405
I. Nợ ngắn hạn	310		5.821.499.726	5.761.032.405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		34.069.707	-
2. Người mua trả trước ngắn hạn	312	V.12	5.000.000.000	5.000.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	110.827.141	94.245.266
4. Phải trả người lao động	314		217.743.672	197.140.801
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		409.162.061	412.449.193
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.697.145	57.197.145
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.109.481.041	52.302.008.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	50.109.481.041	52.302.008.290
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		864.665.333	864.665.333
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.973.664.292)	(14.781.137.043)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.781.137.043)	(7.686.119.671)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.192.527.249)	(7.095.017.372)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		55.930.980.767	58.063.040.695



Phạm Thị Tân
Người lập biểu
Ngày 07 tháng 04 năm 2017



Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng




Trần Khắc Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	690.910.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	690.910.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	674.546.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	16.364.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	198.083	123.635.397
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.145.120	864.301.608
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.768.100.358	4.782.146.710
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.775.047.395)	(5.506.448.921)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	417.479.854	1.588.568.451
13. Lợi nhuận khác	40		(417.479.854)	(1.588.568.451)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.192.527.249)	(7.095.017.372)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.192.527.249)	(7.095.017.372)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7		


Phạm Thị Tân
Người lập biểu
Ngày 07 tháng 04 năm 2017


Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng


Trần Khắc Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(2.192.527.249)	(7.095.017.372)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	-	328.340.858
Các khoản dự phòng	03	952.184.357	3.911.872.835
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(198.083)	(1.737.397)
Các khoản điều chỉnh khác	07	322.781.000	1.800.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(917.759.975)	(2.854.741.076)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(11.016.171.569)	695.878.255
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	60.467.321	2.696.764.815
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	44.012.381	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.137.756.512
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(1.116.365.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.829.451.842)	559.292.782
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	-	(140.000.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.150.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.800.180.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.600.000.000	431.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(24.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	198.083	1.737.397
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.800.018.083	1.418.737.397
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(15.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.029.433.759)	1.963.030.179
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.954.598.384	1.991.568.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.925.164.625	3.954.598.384

Uk

Uk



Phạm Thị Tân
Người lập biểu
Ngày 07 tháng 04 năm 2017

Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng

Trần Khắc Hùng
Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 10 ngày 26 tháng 05 năm 2014, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 05 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 04 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia Công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Đại lý môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu;
- Quảng cáo;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động nghệ thuật, sáng tác và giải trí;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, ...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc cưới, hội họp, đám cưới...);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất rượu vang;
- Xây dựng công trình công ích; và
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thu hồi công nợ, xem xét và mở rộng đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN ngày 21 tháng 12 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định một số nội dung có ảnh hưởng đến cấu trúc, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới như sau:

- (1) Giải thể Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường;
- (2) Chuyển nhượng 100% vốn góp vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô;
- (3) Mua 100% cổ phần Công ty Borsmi;
- (4) Sáp nhập Công ty Cổ phần Borsmi vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, sau khi sáp nhập đổi tên thành Công ty Cổ phần Borsmi.

Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa thực hiện các nội dung của Nghị quyết trên.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính (Tiếp theo)

Ngày 15 tháng 06 năm 2015, Công ty nhận được Giấy triệu tập của Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai để tham gia tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với tư cách là bị đơn theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long. Công ty TNHH Thăng Long đã khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai tuyên bố Thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTĐĐT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của Pháp luật và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN phải thanh toán trả lại cho Công ty TNHH Thăng Long 5 tỷ đồng (số dư người mua trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Bảng cân đối kế toán riêng) và khoản tiền bồi thường thiệt hại là 3 tỷ đồng. Ngày 14 tháng 09 năm 2015, bản án sơ thẩm đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai thông qua, theo đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN về thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTĐĐT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007. Công ty TNHH Thăng Long phải chịu toàn bộ án phí cho vụ kiện này. Trong năm 2016, đã quá thời hạn xét xử phúc thẩm, Công ty không nhận được thông báo nào từ Tòa án. Do vậy, quyết định tại phiên tòa sơ thẩm là phán quyết cuối cùng của Tòa án.

Trong tháng 10 năm 2015, Công ty đã gửi đơn khởi kiện tới Tòa án Nhân dân quận Đống Đa, theo đó Công ty tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Tài Nguyên liên quan đến tranh chấp Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT ngày 06 tháng 04 năm 2011 và Hợp đồng vay tiền số 07/2011/HĐVT ngày 19 tháng 05 năm 2011. Công ty đề nghị Tòa án Nhân dân quận Đống Đa buộc Công ty Cổ phần Tài Nguyên hoàn trả lại khoản tiền 12.600.000.000 đồng tiền gốc vay và 453.600.000 đồng lãi tiền vay. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã hoàn trả lại Công ty khoản tiền 12.600.000.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị	Mối liên quan	Địa chỉ
Trụ sở chính		Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	Công ty con	Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 2014 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm
03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.908.070.520	2.933.002.389
Tiền gửi ngân hàng	17.094.105	1.021.595.995
Cộng	2.925.164.625	3.954.598.384

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN
Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016
MẪU SỐ B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	3.784.029.600	(*) (3.304.720.400)	3.784.029.600	(*) (3.304.720.400)
Công ty Cổ phần NTACO (ii)	376.320.000	11.712.960	376.320.000	(335.395.200)
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải (iii)	247.741.000	22.000.000	247.741.000	(229.741.000)
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam	75.000.000	37.500.000	75.000.000	(60.750.000)
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	24.000.000	6.000.000	24.000.000	(12.900.000)
Cộng	4.507.090.600	77.212.960	4.507.090.600	(3.943.506.600)

(i) Đây là khoản đầu tư vào Cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 24 tháng 09 năm 2013, cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phương Tây thành Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK). Việc chuyển đổi khoản đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thành khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK) theo Công văn số 5738/TB-TCĐK ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Thông báo của PVCOMBANK. Theo đó cổ đông sở hữu cổ phiếu PVF sẽ sở hữu cổ phiếu PVCOMBANK theo tỷ lệ 1:1 (01 cổ phần PVF được đổi 01 cổ phần PVCOMBANK).

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2016, Công ty chưa thu thập được giá thị trường đang giao dịch của cổ phiếu PVCOMBANK, do đó, giá trị dự phòng của khoản đầu tư này được trích lập dựa trên giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất so với thời điểm ngừng giao dịch của cổ phiếu PVF (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) của Công ty.

(ii) Cổ phiếu bị hạn chế giao dịch do tổ chức kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính năm 2015.

(iii) Cổ phiếu tạm ngừng giao dịch trên Upcom từ ngày 06/04/2016 do vi phạm quy định công bố thông tin

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Cá nhân Nguyễn Thị Xuân Nhân {i}	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần ASV Việt Nam	-	1.000.000.000
Cá nhân Trần Khắc Hùng {ii}	930.000.000	930.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.246.280.000	1.401.260.000
Cộng	6.176.280.000	7.331.260.000
b. Trả trước cho người bán là bên liên quan		
Cá nhân Trần Khắc Hùng	930.000.000	930.000.000
Cộng	930.000.000	930.000.000

{i} Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐCN số công chứng: 014826/2011 ngày 20 tháng 7 năm 2011 giữa Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty đã mua 128m² đất tại địa chỉ thôn Ngọc Chi, huyện Đông Anh của Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân nhằm mục đích kinh doanh. Bà Nguyễn Thị Xuân Nhân đã bàn giao các giấy tờ có liên quan đến mảnh đất này cho Công ty, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa thực hiện xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vướng mắc trong việc thay đổi chủ sở hữu do bà Nhân đang phải chịu án tù. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ khoản ứng trước này.

{ii} Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 20052013/ĐC ngày 20 tháng 05 năm 2013 giữa Công ty và Ông Trần Khắc Hùng để mua lô đất mặt đường rẽ đi Cửa Lò - Nghệ An diện tích 693m². Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ông Trần Khắc Hùng chưa thực hiện xong việc bàn giao đất và chuyển đổi sở hữu sang cho Công ty. Do đó, khoản trả trước tiền mua đất này tiếp tục được trình bày trên khoản mục trả trước cho người bán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường {i}	1.475.760.000	675.580.000
Trường Đại học Dân lập Đông Đô {ii}	1.000.000.000	-
Cộng	2.475.760.000	675.580.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tài nguyên	-	12.600.000.000
Cộng	-	12.600.000.000
c. Phải thu về cho vay các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	1.475.760.000	675.580.000
Cộng	1.475.760.000	675.580.000

{i} Khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường (công ty con - bên liên quan) vay theo hợp đồng vay số 16/Vinaic ngày 21 tháng 4 năm 2008 với số tiền cho vay là 675.580.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 1%/tháng và Hợp đồng cho vay tiền số 03/HĐVT/-2016 ngày 28 tháng 07 năm 2016 với số tiền 825.180.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

{ii} Khoản phải thu cho Trường Đại học Dân lập Đông Đô vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2016/HĐVNN-DD ngày 11 tháng 01 năm 2016, số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	8.238.250.172	1.697.550.961
Ông Vương Bá Lân {ii}	7.854.825.745	264.000.000
Tạm ứng khác	383.424.427	1.433.550.961
- Phải thu ngắn hạn khác	7.878.481.543	7.262.192.839
Ông Phan Thế Hải {i}	2.736.000.000	2.736.000.000
Ông Trần Tố {i}	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu khác	3.942.481.543	3.326.192.839
Cộng	16.116.731.715	8.959.743.800
b. Phải thu khác các bên liên quan		
Tạm ứng của Ông Trần Khắc Hùng	383.424.427	496.252.061
Tạm ứng của ông Vương Bá Lân	7.854.825.745	264.000.000
Cộng	8.238.250.172	760.252.061
c. Phải thu dài hạn khác		
Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô {iii}	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-

{i} Các khoản tạm ứng cho cá nhân là nhân viên Công ty nhưng đã nghỉ việc từ năm 2008.

{ii} Khoản tạm ứng cho ông Vương Bá Lân để tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cơ khí chính xác lô CN10 khu B - Khu công nghiệp Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

{iii} Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Đông Đô theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 10/5/HĐHTKD/VNN - ĐĐ ngày 10 tháng 05 năm 2016 với giá trị 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn) để cùng nhau hợp tác dự án xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, thời hạn hợp tác là 5 năm kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2016 đến ngày 10 tháng 05 năm 2021; lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ vốn sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước. Thời điểm chia lợi nhuận: sau khi kết thúc dự án (khoảng 5 năm kể từ ngày góp vốn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016		Dự phòng thu hồi VND	Dự phòng thu hồi VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
a. Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Nguyễn Thị Thanh Nhân	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
b. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	9.123.696.417	1.500.000	8.177.073.900	-	8.177.073.900	(8.177.073.900)
Các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	9.118.696.417	-	8.177.073.900	-	(8.177.073.900)	(8.177.073.900)
- Tổng các khoản trả trước cho người bán	1.236.280.000	-	1.236.280.000	-	(1.236.280.000)	(1.236.280.000)
+ Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội	445.000.000	-	445.000.000	-	(445.000.000)	(445.000.000)
+ Công ty TNHH Kiến trúc - Xây dựng Hà Nội	400.000.000	-	400.000.000	-	(400.000.000)	(400.000.000)
+ Công ty CP Tư vấn XD và PT Đô thị VN	125.000.000	-	125.000.000	-	(125.000.000)	(125.000.000)
+ Các khoản trả trước cho người bán khác	266.280.000	-	266.280.000	-	(266.280.000)	(266.280.000)
- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.882.416.417	-	6.940.793.900	-	(7.882.416.417)	(6.940.793.900)
+ Phan Thế Hải	2.736.000.000	-	2.736.000.000	-	(2.736.000.000)	(2.736.000.000)
+ Trần Tố	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
+ Phải thu ngắn hạn các đối tượng khác	3.946.416.417	-	3.004.793.900	-	(3.946.416.417)	(3.004.793.900)
Các khoản phải thu quá hạn từ 2 - 3 năm	5.000.000	1.500.000	-	-	(3.500.000)	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Đồng Ga	5.000.000	1.500.000	-	-	(3.500.000)	-
Cộng	13.123.696.417	1.500.000	12.177.073.900	-	(13.122.196.417)	(12.177.073.900)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	38.672.724	38.672.724
Tại ngày 31/12/2016	38.672.724	38.672.724
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	38.672.724	38.672.724
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2016	38.672.724	38.672.724
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		
Dự án Đèn Lừ {ii}	500.000.000	500.000.000
Dự án Mê Linh {iii}	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án Hà Nam {i}	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	-	252.781.000
Dự án Nagoya Giken	-	70.000.000
Cộng	1.739.389.448	2.062.170.448

{i} Dự án xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Vietnamnet", dự án "Khu văn phòng đại diện Vietnamnet tại thị xã Phú Lý" tại Đường Lê Công Thanh - xã Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam; xây dựng Khu đô thị mới "Thành phố truyền thông Long Sơn" tại Xã Đọi Sơn - huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam. Các chi phí phát sinh liên quan đến dự án này chỉ bao gồm phí Tư vấn đầu tư và xây dựng phát sinh từ năm 2007, 2008. Từ năm 2008 đến nay Công ty không có thêm các hoạt động triển khai xin chấp thuận chủ trương và chấp thuận các dự án tại Tỉnh Hà Nam, đồng thời Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt việc triển khai dự án.

{ii} Dự án Đèn Lừ là khoản tiền Công ty đã trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 15 tháng 06 năm 2007 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại giao dịch Đèn Lừ II. Tuy nhiên hợp đồng này đang bị tạm dừng do sau đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đã chuyển giao quyền hợp tác đầu tư cho Công ty TNHH Thăng Long. Đến thời điểm này Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN chưa tiến hành ký thanh lý hợp đồng.

{iii} Dự án Mê Linh là tiền đã trả cho việc giải phóng mặt bằng xây dựng công viên Công nghệ truyền thông Mê Linh Media Hightech tại Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN
Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	5.265.000.000	(*)	(5.265.000.000)	(*)
Cộng	5.265.000.000		(5.265.000.000)	(5.265.000.000)

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	Hà Nội	90%	Thi công, thiết kế công trình; Cung cấp dịch vụ tư vấn, quảng cáo và quản lý BĐS, ...

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường đang thể hiện số dư các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá các khoản tài sản ngắn hạn là 1.396.410.561 đồng, đồng thời Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế tại thời điểm cuối năm tài chính của Công ty là (4.274.150.943) đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty đang bị thâm hụt là (1.274.150.943) đồng. Điều này cho thấy những dấu hiệu về việc không thể khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN
Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Trường Đại học Dân lập Đông Đô	32.000.000.000	(*)	-	32.000.000.000
Cộng	32.000.000.000			32.000.000.000

Khoản đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô được xác định:

Theo thỏa thuận liên danh ngày 15 tháng 10 năm 2013, các thành viên liên danh gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Ông Trần Khắc Hùng cùng tham gia đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Tổng giá trị vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN góp 37 tỷ đồng (chiếm 74% trong tổng giá trị vốn góp), Công ty Cổ phần SARA Việt Nam góp 3 tỷ đồng (chiếm 6% trong tổng giá trị vốn góp) và Ông Trần Khắc Hùng góp 10 tỷ đồng (chiếm 20% trong tổng giá trị vốn góp). Theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh đàm phán và ký kết hợp đồng đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô, nhằm trở thành nhà đầu tư chiến lược và duy nhất của Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Trường Đại học Dân lập Đông Đô đã thực hiện ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 4 năm 2014, các bên liên danh kể trên đã thống nhất đồng ý để Công ty Cổ phần Sara Việt Nam rút khỏi liên danh đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Đông Đô.

Ngày 28 tháng 04 năm 2014, 5 tổ chức và cá nhân gồm Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN, Ông Trần Khắc Hùng, Bà Nguyễn Thị Trang, Bà Phạm Đỗ Diệu Thu và Bà Trần Thị Yến đã ký Thỏa thuận liên danh để đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với tổng số tiền đầu tư là 50 tỷ và số tiền góp vốn lần lượt là 37 tỷ đồng, 12 tỷ đồng, 400 triệu đồng, 200 triệu đồng và 400 triệu đồng. Các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh tiếp tục đàm phán hoàn thiện thủ tục góp vốn với Trường Đại học Dân lập Đông Đô và hoàn tất quá trình chuyển đổi sang mô hình tư thực.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số vốn góp của liên danh vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là 42 tỷ đồng. Theo Phụ lục hợp đồng góp vốn ngày 15 tháng 12 năm 2014 về việc điều chỉnh vốn góp đầu tư vào dự án Trường Đại học Dân lập Đông Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đồng ý góp 32 tỷ đồng vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các bên khác tham gia liên doanh đã rút vốn toàn bộ và chỉ còn hai nhà đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Ông Trần Khắc Hùng với phần vốn góp tương ứng là 32 tỷ đồng và 10 tỷ đồng. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Trường Đại học Dân lập Đông Đô và các văn bản có liên quan nhằm xem xét việc phân loại khoản đầu tư này phù hợp với quy định trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(*) Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	-	6.069.876
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.170.000	47.112.505
Cộng	9.170.000	53.182.381

12. Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Thăng Long {i}	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

{i} Khoản ứng trước được ghi nhận theo hợp đồng nguyên tắc số 40/TTHTDT được ký kết giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet ngày 18 tháng 10 năm 2007. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet đồng ý nhượng quyền đầu tư 88% vốn đầu tư vào Dự án Trung tâm thương mại Đền Lừ mà Công ty đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim cho Công ty TNHH Thăng Long. Sau khi chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim và Công ty TNHH Thăng Long ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet phải tiếp tục chịu trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ pháp lý cho dự án này.

Ngày 15 tháng 06 năm 2015, Công ty nhận được Giấy triệu tập của Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai để tham gia tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với tư cách là bị đơn theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long. Công ty TNHH Thăng Long đã khởi kiện Công ty và đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai tuyên bố Thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty TNHH Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của Pháp luật và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN phải thanh toán trả lại cho Công ty TNHH Thăng Long 5 tỷ đồng (số dư người mua trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Bảng cân đối kế toán riêng) và khoản tiền bồi thường thiệt hại là 3 tỷ đồng. Ngày 14 tháng 09 năm 2015, bản án sơ thẩm đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàng Mai thông qua, theo đó, Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thăng Long đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN về thỏa thuận nguyên tắc số 40/TTHTDT ký ngày 18 tháng 10 năm 2007. Công ty TNHH Thăng Long phải chịu toàn bộ án phí cho vụ kiện này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước	31/12/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.411.765	-	-	-	-	-	39.411.765	
Cộng	39.411.765						39.411.765	
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước								
Thuế thu nhập cá nhân	108.067.266	99.731.125	85.909.125	94.245.266				
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.759.875	16.789.729	14.029.854	-				
Cộng	110.827.141	119.520.854	102.938.979	94.245.266				
14. Vốn chủ sở hữu								
a. Thay đổi vốn chủ sở hữu								
Số dư tại ngày 01/01/2015		57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(7.686.119.671)	59.397.025.662		
Lợi nhuận trong năm		-	-	-	(7.095.017.372)	(7.095.017.372)		
Số dư tại ngày 31/12/2015		57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(14.781.137.043)	52.302.008.290		
Lợi nhuận trong năm		-	-	-	(2.192.527.249)	(2.192.527.249)		
Số dư tại ngày 31/12/2016		57.266.980.000	8.951.500.000	864.665.333	(16.973.664.292)	50.109.481.041		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.726.698	5.726.698

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

10. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm 2016, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất một trụ sở đặt tại Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	-	690.910.000
Cộng	-	690.910.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	674.546.000
Cộng	-	674.546.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	198.083	123.635.397
Cộng	198.083	123.635.397

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí bán các khoản đầu tư	-	27.428.773
Trích dự phòng các khoản đầu tư	7.061.840	836.872.835
Chi phí tài chính khác	83.280	-
Cộng	7.145.120	864.301.608

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	554.885.536	849.305.977
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	196.647.958
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	328.340.858
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	945.122.517	3.075.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.669.956	169.089.980
Chi phí bằng tiền khác	157.422.349	163.761.937
Cộng	1.768.100.358	4.782.146.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗi thanh lý TSCĐ	-	1.588.568.451
Các khoản bị phạt	94.698.854	-
Các khoản khác	322.781.000	-
Cộng	417.479.854	1.588.568.451

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	554.885.536	801.785.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	328.340.858
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	945.122.517	3.075.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.669.956	1.087.803.938
Chi phí khác bằng tiền	157.422.349	163.761.937
Cộng	1.768.100.358	5.456.692.710

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Công ty không có các khoản vay do đó tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty bằng 0.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.925.164.625	3.954.598.384
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.468.325.126	13.596.978.939
Đầu tư ngắn hạn	556.522.160	563.584.000
Đầu tư dài hạn	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	42.950.011.911	50.115.161.323
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	443.231.768	412.449.193
Cộng	443.231.768	412.449.193

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền	2.925.164.625	-	2.925.164.625
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.468.325.126	-	7.468.325.126
Đầu tư ngắn hạn	556.522.160	-	556.522.160
Đầu tư dài hạn	-	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	10.950.011.911	32.000.000.000	42.950.011.911
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	443.231.768	-	443.231.768
Cộng	443.231.768	-	443.231.768
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.506.780.143	32.000.000.000	42.506.780.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền	3.954.598.384	-	3.954.598.384
Phải thu khách hàng và phải thu khác	996.978.939	12.600.000.000	13.596.978.939
Đầu tư ngắn hạn	563.584.000	-	563.584.000
Đầu tư dài hạn	-	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	5.515.161.323	44.600.000.000	50.115.161.323
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	412.449.193	-	412.449.193
Cộng	412.449.193	-	412.449.193
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.102.712.130	44.600.000.000	49.702.712.130

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường
Trần Khắc Hùng

Mối quan hệ

Công ty con
Chủ tịch HĐQT

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	172.000.000	144.000.000
Cộng	172.000.000	144.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

Phạm Thị Tân
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 04 năm 2017

Phạm Thị Tân
Kế toán trưởng

Trần Khắc Hùng
Giám đốc

